

**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY NĂM 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phấn đấu năm 2022	Đơn vị chủ trì
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	23	19.49	20.85	
1.1	<i>Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính</i>	2.25	2.25	2.25	Phòng Nội vụ
1.1.1	Việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm	0.5	0.5	0.5	
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ thuộc các nội dung, lĩnh vực cải cách hành chính (công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông)	0.25	0.25	0.25	
1.1.3	Mức độ cụ thể của các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch	0.25	0.25	0.25	
1.1.4	Bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính	0.25	0.25	0.25	
1.1.5	Mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính năm	1	1	1	
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i>	2.25	1	2.25	
1.2.1	Báo cáo cải cách hành chính quý, 6 tháng, năm (thực hiện theo Hướng dẫn số 02/HD-SNV ngày 26/02/2021 của Sở Nội vụ)	0.25	0	0.25	Phòng Nội vụ
1.2.2	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.25	0.25	0.25	Phòng Tư pháp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phấn đấu năm 2022	Đơn vị chủ trì
1.2.3	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0.25	0.25	0.25	Phòng Tư pháp
1.2.4	Báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính (quý I, 6 tháng, quý III, năm)	0.25	0	0.25	Văn phòng HĐND & UBND huyện
1.2.5	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0.25	0.25	0.25	Phòng Nội vụ
1.2.6	Báo cáo công tác tài chính, ngân sách	0.25	0	0.25	Phòng Tài chính - Kế hoạch
1.2.7	Báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ thông tin	0.25	0.25	0.25	Phòng Văn hóa - Thông tin
1.2.8	Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính	0.5	0	0.5	Phòng Nội vụ
1.3	Công tác kiểm tra cải cách hành chính	2	2	2	Phòng Nội vụ
1.3.1	Thực hiện kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	1	1	1	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	1	
1.4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	5.5	4.5	4.5	
1.4.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính trong Kế hoạch cải cách hành chính)	0.5	0.5	0.5	Phòng Nội vụ
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền cải cách hành chính: (1) Tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về cải cách hành chính; (2) Đăng tải thông tin cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của đơn vị; (3) Tuyên truyền cải cách hành chính trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; (4) Tổ chức thi/tọa đàm/sân khấu hóa hoặc các hình thức khác	5	4	4	Trung tâm Văn hóa - TT-DL và TT huyện

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
1.5	<i>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính (được cấp có thẩm quyền phê duyệt/công nhận; lần đầu tiên được áp dụng trong phạm vi quản lý; đã hoặc có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác cải cách hành chính)</i>	3	3	3	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
1.6	<i>Việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao</i>	8	6.74	6.85	Văn phòng HĐND & UBND huyện
1.6.1	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao (không tính các nhiệm vụ đã giao trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh)	3	1.91	2	
1.6.2	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	1	0.83	0.85	
1.6.3	Thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh	3	3	3	
1.6.4	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.	1	1	1	
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	9	9	9	Phòng Tư pháp
2.1	<i>Theo dõi thi hành pháp luật</i>	2	2	2	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	
2.2	<i>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật</i>	4	4	4	
2.2.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
2.2.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	1	1	
2.2.3	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát	2	2	2	
2.3	<i>Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị</i>	2	2	2	
2.3.1	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1	1	1	
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1	1	1	
2.4	<i>Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (nếu trong năm không được giao nhiệm vụ thì không tính điểm tiêu chí này)</i>				Năm 2021 không được giao nhiệm vụ này
2.5	<i>Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý</i>	1	1	1	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12	11.48	11.5	Văn phòng HĐND & UBND huyện
3.1	<i>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính</i>	2	2	2	
3.1.1	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát thủ tục hành chính	1	1	1	
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính	1	1	1	
3.2	<i>Công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ</i>	3	2.5	2.5	
3.2.1	Công khai thủ tục hành chính đầy đủ và đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện	0.5	0.5	0.5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
3.2.2	Tỷ lệ đơn vị cấp xã công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận một cửa	1	1	1	
3.2.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5	0.5	0.5	
3.2.4	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận thông qua Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5	0.25	0.25	
3.2.5	Thao tác xử lý hồ sơ trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5	0.25	0.25	
3.3	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>	2	2	2	
3.3.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa	1	1	1	
3.3.2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (nếu đơn vị không có thủ tục hành chính được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì không đánh giá tiêu chí này)	1	1	1	
3.4	<i>Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính</i>	4	3.98	4	
3.4.1	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	2	1.98	2	
3.4.2	Kết quả đánh giá trực tuyến công chức Bộ phận một cửa (nếu trong năm cơ quan không phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5	0.5	0.5	
3.4.3	Tiếp nhận hồ sơ có giao phiếu hẹn cho cá nhân, tổ chức (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5	0.5	0.5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi để xảy ra trở ngại trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5	0.5	0.5	
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị, địa phương (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5	0.5	0.5	
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	1	1	1	
3.5.1	Xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (trong năm không phát sinh phản ánh kiến nghị thì không đánh giá tiêu chí này)				Năm 2021 không phát sinh phản ánh kiến nghị
3.5.2	Công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	0.5	0.5	0.5	
3.5.3	Công khai kết quả trả lời phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết	0.5	0.5	0.5	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	8	7	7	Phòng Nội vụ
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	1	1	1	
4.1.1	Sắp xếp, tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (nếu trong năm không có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì không đánh giá tiêu chí này)				Năm 2021 không có quy định mới

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
4.1.2	Thời gian tham mưu (có văn bản đề nghị Sở Nội vụ trình UBND tỉnh quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền)				Năm 2021 không có quy định mới
4.1.3	Bố trí số lượng cấp phó các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định	1	1	1	
4.2	<i>Thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc</i>	3	2	2	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập	2	2	2	
4.2.2	Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc hàng năm	1	0	0	
4.3	<i>Thực hiện các quy định về phân cấp</i>	4	4	4	
4.3.1	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	2	2	2	
4.3.2	Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp cho các cơ quan cấp huyện, cấp xã	1	1	1	
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1	1	1	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	11	10.5	10.5	Phòng Nội vụ
5.1	<i>Việc bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (cơ quan chưa được phê duyệt danh mục vị trí việc làm thì không đánh giá tiêu chí thành phần này)</i>	2	2	2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
5.2	<i>Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đúng quy định</i>	2	2	2	
5.3	<i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc</i>	2	2	2	
5.4	<i>Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định</i>	2	2	2	
5.5	<i>Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm</i>	2	2	2	
5.6	<i>Cán bộ, công chức cấp xã</i>	1	0.5	0.5	
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0.5	0.5	0.5	
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0.5	0	0	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	10	6.5	8	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.1	<i>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</i>	4	2.5	4	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm	2	2	2	
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước	1	0	1	
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0.5	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	2	2	
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1	1	1	
6.2.2	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công ở đơn vị và các đơn vị trực thuộc theo phân cấp.	1	1	1	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý	3	1	1	
6.3.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên/ tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (chỉ tính được giao mới, không tính giao lại)	2	0	0	
6.3.2	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	1	1	
6.4	Thực hiện thu ngân sách hằng năm của huyện, thành phố theo kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	1	1	1	
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	15	10.48	12	
7.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm	2	1.7	2	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.2	Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong năm	8	6.78	7	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (cơ quan không có thủ tục hành chính trong danh mục tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì không đánh giá tiêu chí này)	3	0	1	Văn phòng HĐND & UBND huyện

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
7.3.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích	1	0	0	
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích (lưu ý chỉ tính các thủ tục hành chính trong danh mục đã triển khai)	1	0	1	
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả qua dịch vụ bưu chính công ích (lưu ý chỉ tính các thủ tục hành chính trong danh mục đã triển khai)	1	0	0	
7.4	<i>Thực hiện quy định về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính</i>	2	2	2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	0.5	0.5	0.5	
7.4.2	Cập nhật các thay đổi của văn bản QPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	0.5	0.5	0.5	
7.4.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo tối thiểu 1 năm 1 lần	0.5	0.5	0.5	
7.4.4	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng	0.5	0.5	0.5	
8	VIỆC CHẤP HÀNH QUY CHẾ VĂN HÓA CÔNG SỞ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	7	7	7	Phòng Nội vụ
8.1	Việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức	1	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa theo quy định	Điểm đạt được năm 2021	Điểm phần đầu năm 2022	Đơn vị chủ trì
8.2	Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc	1	1	1	
8.3	Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc	1	1	1	
8.4	Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ	1	1	1	
8.5	Thực hiện quy định về bài trí công sở	1	1	1	
8.6	Tình hình cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật	2	2	2	
	Tổng cộng	95	81.45	85.85	

21
9
11.5
7
10.5
8
12
7

86